

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/DS-ST
Ngày: 06/9/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thanh
2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-DS, ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXX-ST ngày 20 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hải Y

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Công P, bà Mai Thị N

Địa chỉ: thôn L, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/02/2021 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải Y và lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì:

Từ ngày 20/4/2017 đến ngày 06/8/2017 ông Trần Công P và bà Mai Thị N có mua vật liệu xây dựng (gồm đá chẻ, xi măng, sắt, cát xây) của bà để xây nhà. Việc mua bán diễn ra nhiều lần theo hình thức giao hàng, sau đó mới tính toán số lượng hàng đã mua và giá bán. Sau ngày 06/8/2017 hai bên không tiếp tục mua bán. Sau khi tính toán công nợ thì số tiền ông P, bà N còn nợ bà là 50.700.000đ (*Năm mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*). Bà N có ký xác nhận còn nợ số tiền trên. Và thỏa thuận miệng đến cuối năm 2017 sẽ thanh toán đủ. Tuy nhiên, đến ngày 06/2/2018 ông P và bà N chỉ thanh toán thêm 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*), số tiền còn lại 42.700.000đ (*Bốn mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng*) bà Y đã nhiều lần yêu cầu ông P, bà N thanh toán nhưng ông P, bà N vẫn cố tình dây dưa, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà Nguyễn Thị Hải Y khởi kiện yêu cầu

ông Trần Công P, bà Mai Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là 42.700.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Công P, bà Mai Thị N, tuy nhiên ông P, bà N vẫn cố tình vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành xác minh tại địa phương, xác nhận sự việc ông P, bà N xây nhà ở tại địa chỉ thôn L, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông trong năm 2017 là đúng sự thật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Áp dụng Điều 430, Điều 440 BLDS; Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Hải Y. Buộc ông Trần Công P và bà Mai Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hải Y số tiền 42.700.000đ. Trường hợp ông P, bà N chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Hải Y khởi kiện yêu cầu ông Trần Công P và bà Mai Thị N thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và trú tại thôn L, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Do đó, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn ông Trần Công P, bà Mai Thị N nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện:

Kể từ ngày 20/4/2017 đến ngày 06/8/2017 bà N nhiều lần mua vật liệu xây dựng của bà Nguyễn Thị Hải Y, gồm các mặt hàng: Cát, xi măng, sắt, đá. Ngày 06/8/2017 sau khi tính toán công nợ, bà Mai Thị N ký xác nhận còn nợ bà Y số tiền 50.700.000đ (*Năm mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*).

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và thông báo kết quả việc công khai chứng cứ cũng như các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông P, bà N vẫn không tham gia tố tụng, không có ý kiến cũng như cung cấp các chứng cứ chứng minh để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Điều 91 BLTTDS quy định:

...

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Như vậy, HĐXX xác định các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp pháp, việc mua bán tài sản giữa các bên là có thật.

Xét nội dung và hình thức thỏa thuận mua bán tài sản của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 430 BLDS nên phát sinh hiệu lực.

[2.3] Về nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải Y xác định các bên có thỏa thuận miệng thời hạn thanh toán là cuối năm 2017. Và ngày 06/02/2018 ông P, bà N có thanh toán được một phần công nợ là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*). Số tiền còn lại ông P, bà N không tiếp tục nghĩa vụ thanh toán. Việc ông P, bà N không thanh toán số tiền còn lại cho bà Y là vi phạm khoản 1 Điều 440 BLDS, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hải Y khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Công P và bà Mai Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là 42.700.000đ (*Bốn mươi hai triệu bảy trăm nghìn*) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.4] Theo giấy xác nhận nợ do nguyên đơn cung cấp thì bà Mai Thị N là người ký xác nhận nợ. Tuy nhiên, mục đích mua vật liệu xây dựng là để xây dựng nhà ở chung. Do đó, HĐXX xác định đây là giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà Y khởi kiện yêu cầu ông P, bà N phải có nghĩa vụ thanh toán nợ là phù hợp với khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.5] Về lãi suất: Nguyên đơn không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết

[2.6] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[2.7] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Áp dụng Điều 430, Điều 440 BLDS; Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hải Y về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” với bị đơn ông Trần Công P và bà Mai Thị N.

2. Buộc ông Trần Công P và bà Mai Thị N phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hải Y 42.700.000đ (*Bốn mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

3. Thời hạn thanh toán: Theo trình tự thủ tục thi hành án Dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Trần Công P, bà Mai Thị N phải nộp 2.135.000đ (*Hai triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí DSST. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hải Y 1.067.500đ (*Một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003893 ngày 25/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Thắng